

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của Cơ quan Hội Nông dân tỉnh

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 04/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quy định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TU, ngày 26/02/2021 và Thông báo số 91-TB/TU, ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Cơ quan Hội Nông dân tỉnh tại Đề án số 04-ĐA/HNDT, ngày 25/3/2021 và của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với Cơ quan Hội Nông dân tỉnh, thực hiện từ năm 2021 như sau:

- Số vị trí việc làm: 22.
- Tổ chức bộ máy: Gồm có tối đa không quá 04 đầu mối trực thuộc (03 phòng, ban và 01 đơn vị sự nghiệp).
- Số biên chế tạm giao: 27 (Trong đó bao gồm 02 hợp đồng 68).
- Tỷ lệ ngạch Chuyên viên chính trở lên tạm giao: 44,44% (Tương đương 12 cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính trở lên).

Điều 2. Cơ quan Hội Nông dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các nội dung điều chỉnh Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong cơ quan; bao gồm các nội dung sau:

1. Rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được điều chỉnh.

2. Thực hiện việc tiếp nhận, tuyển dụng và quản lý công chức, đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức theo quy định.

3. Trên cơ sở số lượng vị trí việc làm và biên chế được tạm giao, Cơ quan Hội Nông dân tỉnh thành lập phòng, ban chuyên môn đảm bảo tối thiểu từ 05 người trở lên/phòng, ban; phòng, ban có dưới 10 người được bố trí trưởng phòng, ban và 01 phó trưởng phòng, ban; có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 phó trưởng phòng, ban. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp một số vị trí việc làm thực hiện chế độ kiêm nhiệm.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Cơ quan Hội Nông dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- BTC Tỉnh ủy (Phòng TCCB),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đình Văn



KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN HỘI NÔNG DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313 -QĐ/TU, ngày 02 tháng 6 năm 2021)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	22	25	2	1	11	11	4	
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	7	10		1	9			
1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1		1				
1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.3	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.4	Trưởng các ban (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.5	Phó Chánh Văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.6	Phó Trưởng các ban (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.7	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ nông dân (Phó Chủ tịch kiêm)		KN						
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	10	12			2	10		
2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Hội nông dân (Chủ tịch kiêm)		KN		x				
2.2	Chuyên viên chính công tác Hội nông dân (Phó Chủ tịch kiêm)		KN						
2.3	Chuyên viên chính công tác tổ chức - xây dựng Hội (Trưởng, Phó phòng kiêm)		KN			x			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
2.4	Chuyên viên chính công tác Kinh tế - xã hội (Trưởng, Phó phòng kiêm)		KN			x			
2.5	Chuyên viên chính công tác điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân, tư vấn các vấn đề về thị trường, dịch vụ hỗ trợ nông dân (Trưởng, Phó phòng kiêm)		KN			x			
2.6	Chuyên viên chính công tác văn phòng (Chánh, Phó văn phòng kiêm)		KN			x			
2.7	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp - văn phòng, thi đua khen thưởng		3				3		
2.8	Theo dõi, tham mưu công tác kinh tế - xã hội		4				4		
2.9	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức - Xây dựng hội		4			1	3		
2.10	Theo dõi, tham mưu công tác Quỹ hỗ trợ nông dân, nguồn vốn ủy thác từ NHCSXH và NH NN&PTNT		1			1			
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	5	3	2			1	4	
3.1	Kế toán		1				1		
3.2	Văn thư - Thủ quỹ		1					1	
3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)		1	1				2	
3.4	Tạp vụ (khoán)								
3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)			1				1	